

Bản án số: **96/2024/DS-ST**

Ngày 02-12-2024

V/v "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tán Nghị

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 11 và ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ E, thôn Q, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Ngô Tất S, sinh năm 1982; địa chỉ: Kiệt B, hẻm C, tổ A, thôn Q, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng.

* *Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tất S:* Bà Lê Thị Mai H, sinh năm 1977; nơi thường trú: 158 KP T, Đ, T, Bắc Ninh; địa chỉ liên lạc: G T, phường H, quận T, Tp Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 07/5/2024).

(Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D trình bày:

Bà Trần Thị Thùy D và ông Ngô Tất S có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Vào khoảng đầu năm 2019, bà D được biết ông S gặp khó khăn về tài chính, cần tiền để trả nợ và lo cho con bị bệnh phải điều trị viêm tụy cấp nằm bệnh viện nên ông S có ngỏ ý mượn tiền của bà D. Lúc đó, tài chính của bà D cũng đang gặp khó khăn nên ông S có đề nghị bà D thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để vay hộ ông S, việc trả lãi phát sinh đối với khoản vay thế chấp tại Ngân hàng ông S là người chịu trách nhiệm trả. Theo đó, bà D chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ cần thiết cho việc thế chấp tại ngân hàng để cho ông S vay tiền. Ngày 24/5/2019, sau khi thế chấp tài sản là nhà đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 36, địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận số CR 784399 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 14/05/2019, bà D tiến hành vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần A ("A1") số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để cho ông S mượn. Ngày 27/5/2019, số tiền vay mượn từ việc thế chấp nêu trên được Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh Đ chuyển trực tiếp vào tài khoản số 129477109 của ông Ngô Tất S tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2) (Theo sao kê ngân hàng – Số phụ tài khoản).

Tuy nhiên, toàn bộ quá trình mượn nợ, ông S không thực hiện thanh toán số tiền lãi như đã thỏa thuận, bà D đã nhiều lần nhắc nhở, đốc thúc nhưng nhận lại là sự thờ ơ, thoái thác trách nhiệm. Vì thế, bà D là người phải gồng gánh khoản lãi phát sinh hàng tháng, phải xoay sở bằng cách cầm cố tài sản, vay mượn nhiều nơi để lo cho khoản vay trên trong nhiều năm nay. Đến hạn thanh toán như đã cam kết ông S vẫn không thanh toán và cố tình trốn tránh bà D, viện cớ, lấy lý do tình hình kinh tế khó khăn, đau ốm liên miên để chây ỳ, kéo dài thời gian, vi phạm nghĩa vụ, không chịu trả nợ. Bà D đã nhiều lần liên lạc, gọi điện yêu cầu ông S thực hiện đúng lời hứa thanh toán số tiền đã vay mượn nhưng ông S lật lọng, thất hứa liên tục, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà D. Nhận thấy ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp và có ý định trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với bà D. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giải quyết:

1. Buộc ông Ngô Tất S thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thanh toán cho bà D số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

2. Buộc ông Ngô Tất S thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền 500.000.000 đồng tạm tính từ ngày 01/06/2019 đến ngày khởi kiện 29/01/2024 (1703 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là 233.287.671 đồng.

Tổng số tiền ông Ngô Tất S phải thanh toán cho bà D là 733.287.671 đồng.

Tuy nhiên, ngày 22/8/2024 bà Trần Thị Thùy D có đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa bà D trình bày như sau:

Ngày 27/9/2019, ông S có mượn bà D với số tiền 500.000.000 đồng. Đến ngày 28/9/2024, ông S đã trả cho bà D với số tiền 300.000.000 đồng và sau đó ông S có trả thêm 50.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền mà ông S còn nợ bà D chỉ còn 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, từ năm 2021 đến năm 2023, bà D có cho ông S mượn thêm tổng cộng số tiền là 72.934.567 đồng bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản số 129477109 của ông Ngô Tất S tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2) (Có sao kê tài sản đính kèm).

Như vậy, ông Ngô Tất S còn nợ bà D với tổng số tiền là 222.934.567 đồng. Vì vậy, bà D yêu cầu sau:

1. Yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Ngô Tất S thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thanh toán cho bà D số tiền gốc là 222.934.567 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng*).

2. Yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Ngô Tất S thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền 150.000.000 đồng, tính từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/11/2024 là 62 tháng, lãi suất 0.83%/tháng (tương ứng 10%/năm). Cụ thể:

Lãi tính như sau: $150.000.000 \times 0.83\%/tháng \times 62 tháng = 77.500.000$ đồng (*Bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*)

Đối với số tiền 72.934.567 đồng bà D không yêu cầu tính lãi.

Tổng số tiền yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Ngô Tất S phải trả cho bà D là 300.434.567 đồng (*Ba trăm triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng*).

* Theo bản tự khai và quá trình tố tụng của bị đơn ông Ngô Tất S; quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn- bà Lê Thị Mai H trình bày:

- Đối với khoản nợ bà Trần Thị Thùy D yêu cầu 150.000.000 đồng thì ông S chỉ thừa nhận ông S còn nợ bà D là 8.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 72.934.567 đồng bà Trần Thị Thùy D khởi kiện bổ sung thì bà H là đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Ngô Tất S có ý kiến là ông S không thừa nhận nên không đồng ý trả.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia đối chất với nguyên đơn theo Quyết định đối chất của Tòa án.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy D:

- Buộc ông Ngô Tất S phải trả cho bà Trần Thị Thùy D số tiền 129.259.000 đồng.

- Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc ông Ngô Tất S trả cho bà Trần Thị Thùy D số tiền 183.675.567 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp kiện đòi tài sản của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D đối với bị đơn ông Ngô Tất S, có nơi cư trú tại: Kiệt B, hẻm C, tổ A, thôn Q, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP . theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với nguyên đơn và bị đơn để tiến hành đối chất nhưng bị đơn ông Ngô Tất S vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành đối chất được.

[1.3]. Ngày 22/8/2024, bà Trần Thị Thùy D có đơn sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa bà D có yêu cầu thay nội dung khởi kiện, cụ thể: Từ chỗ yêu cầu bị đơn ông Ngô Tất S trả nợ 500.000.000 đồng tiền gốc nay bà D chỉ yêu cầu ông S trả nợ 150.000.000 đồng tiền gốc. Đồng thời, bà D khởi kiện bổ sung yêu cầu ông S trả nợ thêm số tiền 72.934.567 đồng ngoài số tiền 500.000.000 đồng mà ông S đã mượn. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn cũng như khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút 350.000.000 đồng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu đòi số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của bà D thì thấy:*

Tại phiên tòa, bà D không thừa nhận số tiền ông H2 chuyển khoản trả cho bà D 70.000.000 đồng, ông C chuyển khoản trả cho bà D 20.000.000 đồng là

tiền có nguồn gốc từ số tiền 200.000.000 đồng mà ông S đang vay nợ bà D, bà D cũng không thừa nhận đã nhận 40.000.000 đồng tiền mặt từ ông S là tiền ông H1 trả. Bà D cho rằng giữa bà D và ông S thường xuyên giao dịch chuyển tiền qua lại với nhau, trong đó có tiền bà D chuyển khoản cho ông S mượn, có tiền bà D chuyển khoản cho ông S để ông S chuyển khoản lại cho những người khác mượn. Do đó, số tiền chuyển khoản cho ông H2, ông C, ông H1 mượn là tiền bà D chuyển khoản từ những lần khác cho ông S để ông S chuyển cho ông H2, ông C, ông H1 mượn chứ không phải trích từ nguồn số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối chiếu bảng sao kê tiền mà ông S cung cấp thì thấy: Ngày 08/10/2019, ông Ngô Tất S chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Đ1 số 0102704405 mang tên Trần Thị Thùy D với nội dung "*chuyển tiền gốc anh C*". Nội dung này thể hiện người mang tên C có mượn bà D số tiền 20.000.000 đồng và ông S là người chuyển cho ông C mượn, sau đó ông C trả lại cho ông S và ông S đã chuyển khoản trả cho bà D. Đối chiếu với bảng sao kê của bà Trần Thị Thùy D cung cấp thì không có lệnh chuyển tiền nào của bà D trùng khớp với mệnh giá 20.000.000 đồng cho ông Ngô Tất S. Tương tự, ngày 23/10/2019 ông S chuyển số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Đ1 số 0102704405 mang tên Trần Thị Thùy D với nội dung "*chuyển tiền Trần Văn H2*". Nội dung này thể hiện người mang tên H2 có mượn bà D số tiền 70.000.000 đồng và ông S là người chuyển cho ông H2 mượn, sau đó ông H2 trả lại cho ông S và ông S đã chuyển khoản cho bà D. Đối chiếu với bảng sao kê của bà Trần Thị Thùy D cung cấp thì không có lệnh chuyển tiền nào của bà D trùng khớp với mệnh giá 70.000.000 đồng cho ông S. Do đó, đối với 02 lần chuyển khoản này, bà D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 90.000.000 đồng này là do bà D chuyển khoản ngoài và không liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng mà ông S mượn của bà D. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận giữa bà D và ông S có rất nhiều lần giao dịch chuyển khoản tiền với nhau và hầu hết là không có nội dung chuyển khoản thể hiện việc vay mượn, tặng cho hay mục đích gì khác. Vì vậy, việc ông S cho rằng tiền để chuyển khoản cho ông H2 và ông C mượn là tiền có nguồn gốc từ 200.000.000 đồng của bà D mà ông S đang giữ và ông S đã chuyển khoản trả lại cho bà D sau khi ông C, ông H2 trả nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản tiền ông S khai cho ông H1 mượn lại 40.000.000 đồng, sau đó ông S đã trả cho bà D bằng tiền mặt. Tại phiên tòa, bà D không thừa nhận có nhận tiền mặt từ ông S 40.000.000 đồng. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông S không có chứng cứ chứng minh khoản tiền 40.000.000 đồng là tiền trích trả từ số tiền 200.000.000 đồng mà ông S đang giữ của bà D. Do đó, không đủ cơ sở khẳng định số tiền 40.000.000 đồng này ông S đã trả cho bà D.

Như vậy, trong số tiền 200.000.000 đồng mà ông S còn nợ bà D, ông S đã chuyển trả cho bà D với tổng số tiền 140.000.000 đồng. Do đó, ông S còn nợ bà D số tiền là 60.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà D yêu cầu tính lãi suất 10% đối với số tiền gốc còn nợ là 150.000.000 đồng từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/11/2024. Xét thấy, việc ông S chậm trả tiền cho bà D là vi phạm thỏa thuận, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D nên bà D yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định nên được chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu đòi đối với số tiền gốc là 60.000.000 đồng, do đó lãi suất được tính như sau: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 62 \text{ tháng (tương ứng 1860 ngày)} = 30.575.342 \text{ đồng}$.

[2.2]. Xét yêu cầu kiện đòi số tiền 72.934.567 đồng của bà D thì thấy:

Đối chiếu bảng sao kê ngân hàng và nội dung các tin nhắn zalo giữa bà D và ông S đã được lập vi bằng do bà D cung cấp thì thấy chỉ có 03 giao dịch chuyển khoản là có nội dung mượn tiền phù hợp với nội dung tin nhắn, cụ thể như sau:

Ngày 22/11/2021, bà D chuyển khoản cho ông S mượn số tiền 3.000.000 đồng;

Ngày 01/3/2022, bà D chuyển khoản cho ông S mượn số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 02/3/2022, bà D chuyển khoản cho ông S mượn số tiền 25.000.000 đồng.

Đối với những lần chuyển tiền khác từ tài khoản bà D sang tài khoản của ông S đều không thể hiện nội dung chuyển khoản là cho vay mượn hay trả nợ. Mặc dù, trong các đoạn tin nhắn có nội dung ông S thừa nhận có nợ bà D và có hứa trả nhưng không thể hiện cụ thể nợ bao nhiêu tiền hay mượn bao nhiêu lần.

Vì vậy, đối với yêu cầu kiện đòi số tiền 72.934.567 đồng của bà D, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu nên buộc ông S trả cho bà D số tiền 30.000.000 đồng.

[2.3]. Từ những nhận định tại mục [2.1] và mục [2.2] có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D.

Buộc ông Ngô Tất S phải trả cho bà Trần Thị Thùy D số tiền 120.575.342 đồng (trong đó: tiền nợ gốc 90.000.0000 đồng; tiền nợ lãi 30.575.342 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thùy D buộc ông Ngô Tất S trả cho bà D số tiền: 179.859.225 đồng (300.434.567 đồng- 120.575.342 đồng).

[2.4]. Về án phí:

- Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D nên bị đơn ông Ngô Tất S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà D là: $120.575.342 \text{ đồng} \times 5\% = 6.028.767 \text{ đồng}$.

- Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối

với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là: 179.859.225 đồng x 5% = 8.992.961 đồng.

[2.5]. Theo những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 166, 274, 275, 280, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp kiện đòi tài sản của bà Trần Thị Thùy D đối với ông Ngô Tất S.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đòi nợ số tiền 350.000.000 đồng.

2. Buộc ông Ngô Tất S phải trả cho bà Trần Thị Thùy D số tiền 120.575.342 đồng (*Một trăm hai mươi triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó:

- Tiền nợ gốc 90.000.0000 đồng;
- Tiền nợ lãi 30.575.342 đồng.

3. Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Trần Thị Thùy D buộc ông Ngô Tất S trả cho bà D số tiền 179.859.225 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bà Trần Thị Thùy D có đơn yêu cầu đối với số tiền ông Ngô Tất S phải thanh toán, nếu ông S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

- Bị đơn ông Ngô Tất S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 6.028.767 đồng (*Sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

- Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 8.992.961 đồng (*Tám triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

16.665.753 đồng tại biên lai thu số 0002108 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Hòa Vang. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thùy D số tiền tạm ứng án phí còn thừa là: 7.642.791 đồng (*Bảy triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi một đồng*).

5. Án xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang,
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Thọ